

## BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Theo Phụ lục I, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ)

(Ngày 29 tháng 12 năm 2023)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Đào thị Thủy . Ngày tháng năm sinh: 04/07/1970 .
  - Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng .
  - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non xã Vinh Quang
  - Nơi thường trú: Thôn Tân Thắng xã.Vinh Quang . huyện Tiên Lãng.
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031170005047 ngày cấp 28 / 6/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Vũ Văn Kiểm . Ngày tháng năm sinh: 21/2/1967
  - Nghề nghiệp: Công Nhân
  - Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Công ty DIDIP khu công nghiệp Đình Vũ
  - Nơi thường trú: Thôn Tân Thắng xã.Vinh Quang . huyện Tiên Lãng.
  - Số căn cước công dân : 031067005516. nơi cấp : Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
  - 3.1. Con thứ nhất:
    - Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
    - Nơi thường trú: .
    - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: . ngày cấp.. nơi cấp
  - 3.2. Con thứ hai:
    - Họ và tên: Vũ Quốc Hưng : Ngày tháng năm sinh: 22/10/2003: sinh viên ĐHHH
    - Nơi thường trú: Thôn Tân thắng – xã Vinh Quang - huyện Tiên Lãng.
    - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031203008893 ngày 19/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất
  - 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: Đất ở.
    - 1.1.1. Thừa thứ nhất:
      - Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Tân thắng xã.Vinh Quang.huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
      - Diện tích<sup>(9)</sup>: 200m<sup>2</sup>.
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: Đất cho tặng “không xác định được giá trị”.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn Kiểm và bà Đào Thị Thủy theo số 00292 / QSDD /H
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....
- 1.1.2. Thửa thứ 2:
  - Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Tân Thắng xã.Vinh Quang huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
  - Diện tích<sup>(9)</sup>: 100m<sup>2</sup>.
  - Giá trị<sup>(10)</sup>: 700.000.000đ
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn Kiểm và bà Đào Thị Thủy - theo số CH 01095
  - Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>
- 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có
  - 1.2.1. Thửa thứ nhất:
    - Loại đất: Nông nghiệp Địa chỉ: Lô7A Thôn Tân Thắng xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng Hải Phòng.
    - Diện tích: 720 m<sup>2</sup>
    - Giá trị<sup>(10)</sup>: Đất nông nghiệp “ không xác định được giá trị”
    - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Có
    - Thông tin khác (nếu có):
  - 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
  - 2.1. Nhà ở:
    - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
      - Địa chỉ: Thôn Tân Thắng xã.Vinh Quang huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
      - Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở cùng mảnh đất thửa nhất
      - Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 200 m<sup>2</sup>.
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: Đất cho tặng “không xác định được giá trị”.
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn Kiểm và bà Đào Thị Thủy theo số 00292 / QSDD /H
      - Thông tin khác (nếu có): .....
    - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thửa nhất
      - Địa chỉ: Tổ dân phố số 2 Bình kiều 2 - Đông Hải 2- Quận Hải An –Hải Phòng
      - Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở
      - Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 58 m<sup>2</sup>.
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: 300.000.00 đ
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn Kiểm và bà Đào Thị Thủy theo hồ sơ số 002229CN005./.
  - 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:
    - 2.2.1. Công trình thửa nhất:
      - Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
      - Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
      - Diện tích: .....
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

*Handwritten signature*

- Thông tin khác (nếu có): .....
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: *Không có.*
- 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: *Không có.*
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Hàng năm tiết kiệm 100.000.000 đ
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có.*
- 6.1. Cổ phiếu:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
  - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- 6.2. Trái phiếu:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
  - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
  - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:
- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
  - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:
- Tên tài sản: Xe máy Honda SH. Số đăng ký: 15A- 4.15.16. Giá trị: 70.000.000đ.
  - Tên tài sản: Xe máy Honda AIBLADE.Số đăng ký: 15A-6053 Giá trị: 30.000.000đ.
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: *Không có.*
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
  - Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: *Không có.*
9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: *Không có.*
- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

*Thư*

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 276.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 204.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 72.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có .

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:		200.000.000 đ	Hàng năm tiết kiệm Thu nhập từ lương và phụ cấp, và thu nhập tăng thêm năm 2022

thuuul

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>+</p> <p>276.000.000đ</p>	<p>Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp</p> <p>276.000.000 đ</p>
---	--	------------------------------	--

Vinh Quang ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



HIỆU TRƯỞNG  
*Vũ Thị Nguyệt*

Tiên Lãng, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đào Thị Thủy**